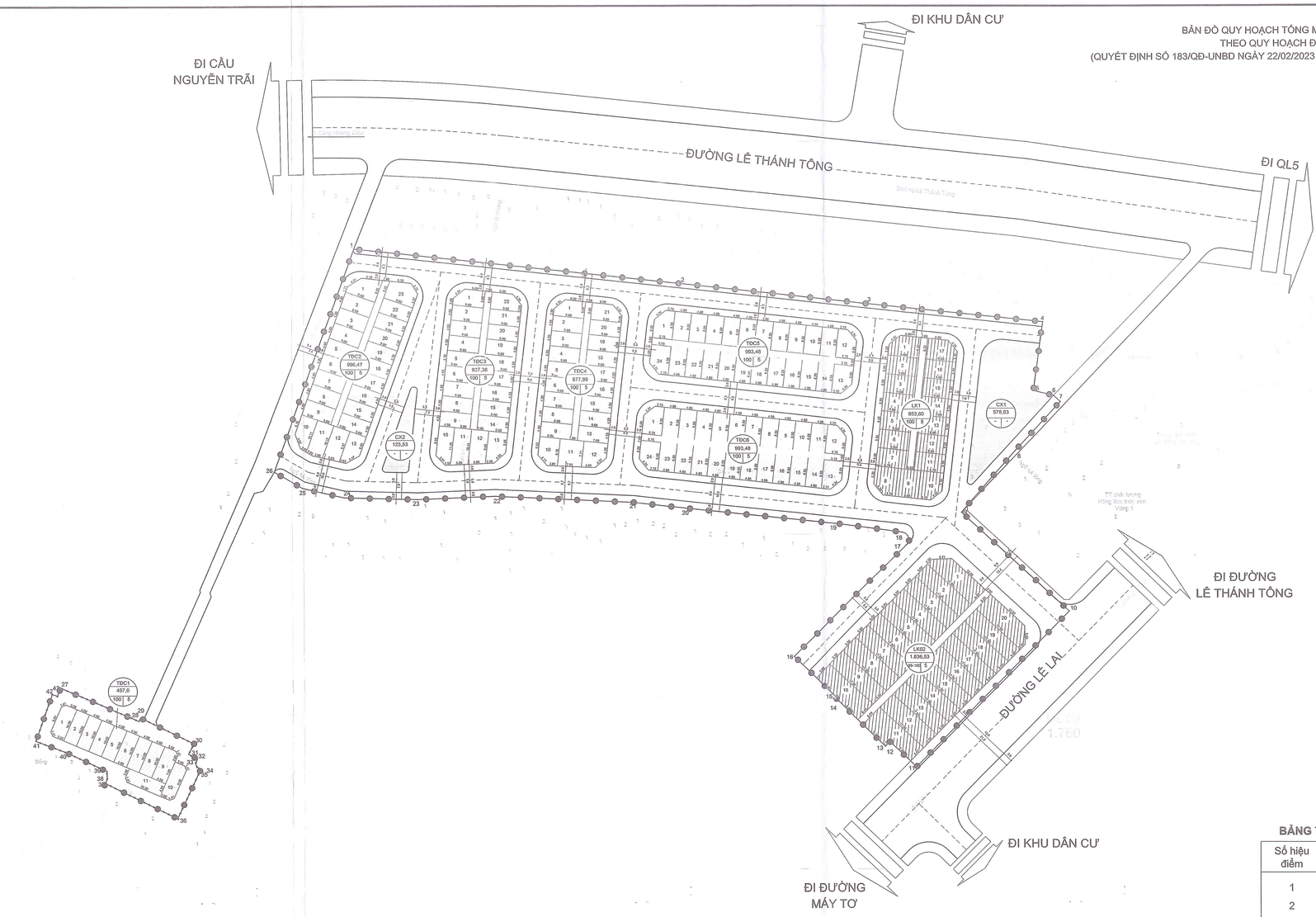
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
THEO QUY HOẠCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
(QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UNBD NGÀY 22/02/2023 CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN)



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU 1

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
1	2308481.575	598445.917	94.24
2	2308471.353	598539.600	55.65
3	2308465.305	598594.918	52.11
4	2308459.847	598646.746	20.54
5	2308439.479	598644.113	6.03
6	2308438.053	598649.973	2.70
7	2308436.242	598651.971	19.58
8	2308421.738	598638.823	24.01
9	2308403.493	598623.209	42.87
10	2308374.296	598654.603	64.02
11	2308328.209	598610.172	10.76
12	2308335.642	598602.386	1.88
13	2308334.319	598601.053	20.03
14	2308348.361	598586.765	0.30
15	2308348.572	598586.978	17.75
16	2308360.975	598574.274	46.55
17	2308393.923	598607.163	3.94
18	2308397.658	598605.899	17.51
19	2308399.991	598588.546	44.53
20	2308404.617	598544.252	17.07
21	2308406.531	598527.293	40.41
22	2308408.412	598486.922	22.48
23	2308407.478	598464.459	21.55
24	2308408.037	598442.921	12.64
25	2308410.916	598430.616	9.52
26	2308415.712	598422.428	69.93
1	2308481.575	598445.917	

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU 2

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
27	2308352.193	598359.854	25.02
28	2308342.222	598382.804	1.13
29	2308343.187	598383.395	17.20
30	2308335.562	598398.813	3.46
31	2308332.471	598397.251	2.97
32	2308331.051	598399.863	1.36
33	2308329.813	598399.302	1.03
34	2308328.824	598399.576	1.48
35	2308328.121	598400.878	16.18
36	2308313.450	598394.048	23.58
37	2308323.959	598372.934	1.34
38	2308325.184	598373.480	2.29
39	2308327.467	598373.370	13.13
40	2308333.058	598361.492	9.59
41	2308336.471	598352.527	14.66
42	2308350.291	598357.412	1.55
43	2308349.808	598358.888	2.57
1	2308352.193	598359.854	

Hoa gió:

Tỷ lệ xích:

0(M) 10 20 30 40 50M
0(CM) 2

Ký hiệu:

- Đất nhà ở tái định cư
- Đất nhà ở liền kề
- Đất cây xanh
- Đường giao thông
- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch. Diện tích: 17.879,47m2 (S1= 911,14m2; s2= 16.968,33m2

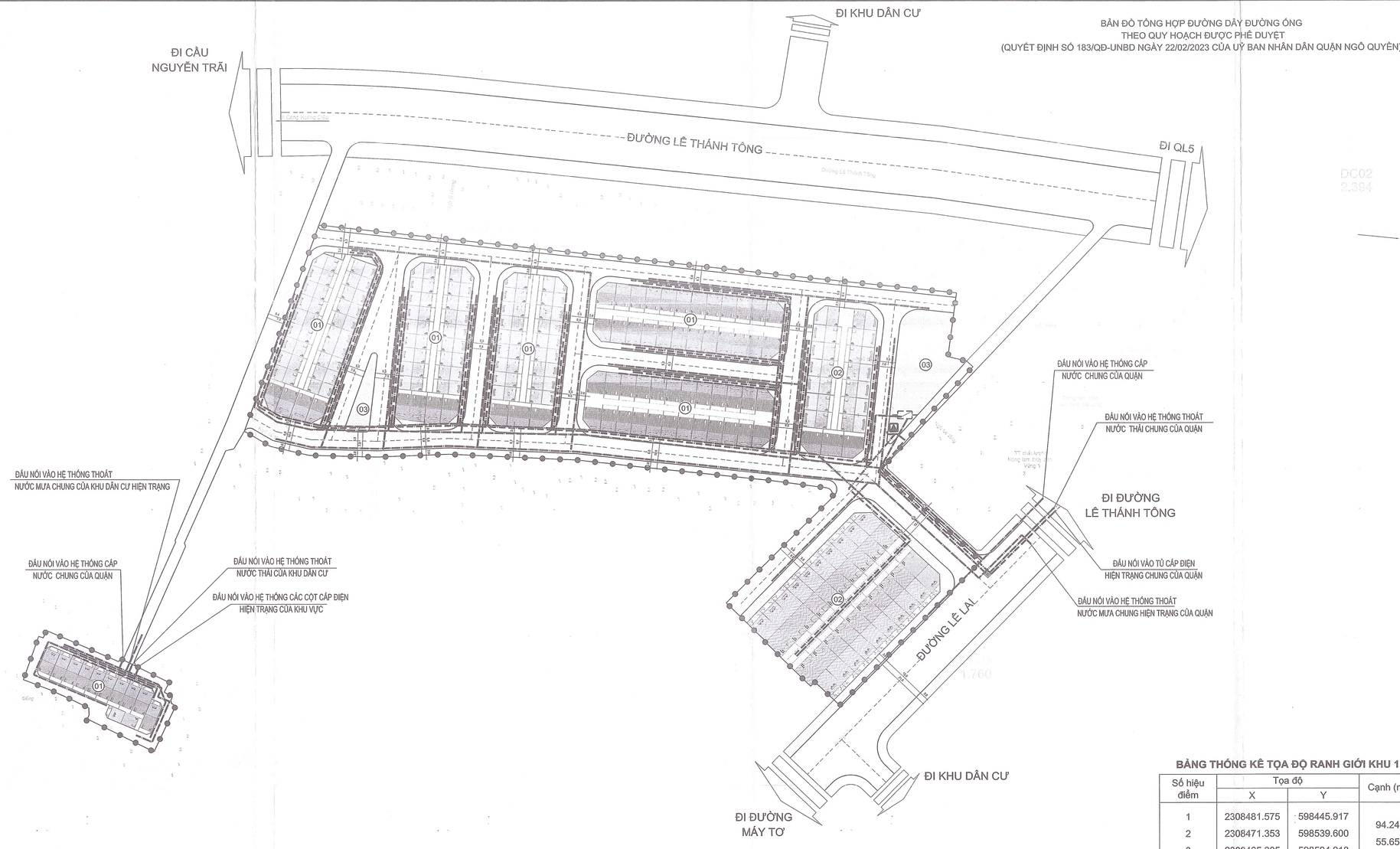
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC NGÕ 47 LÊ LAI VÀ NGÕ 92 LÊ THÁNH TÔNG, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
(THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND CỦA UBND QUẬN NGÔ QUYỀN)

BẢN VẼ: ĐCCB-02	GHÉP: 2XA0	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 2026

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CTXD HP
HP CONST. DESIGN & CONSULTANT JSC.
ĐC : 36 LÝ TỰ TRỌNG, HẢI PHÒNG
Website : http://www.hcdc.com.vn
ISO 9001 : 2008

BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG
THEO QUY HOẠCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
(QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UNBD NGÀY 22/02/2023 CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN)



Hoa gió:

Tỷ lệ xích:

0(M) 10 20 30 40 50M
0(CM) 2

Ký hiệu:

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch. Diện tích: 17.879,47m2 (S1= 911,14m2; s2= 16.968,33m2
- Đường giao thông
- Công trình
- Sân gạch
- Đất cây xanh TDTT
- Đường cáp ngầm 0,4kV
- Đường ống cấp nước dự kiến
- Đường ống thoát nước thải dự kiến
- Đường ống thoát nước mưa dự kiến
- Trạm biến áp 35(22)/0,4kV dự kiến
- Bể xử lý nước thải (ngầm)

(01) - Nhà ở tái định cư
(02) - Nhà ở mới
(03) - Đất cây xanh TDTT

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU 1

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
1	2308481.575	598445.917	94.24
2	2308471.353	598539.600	55.65
3	2308465.305	598594.918	52.11
4	2308459.847	598646.746	20.54
5	2308439.479	598644.113	6.03
6	2308438.053	598649.973	2.70
7	2308436.242	598651.971	19.58
8	2308421.738	598638.823	24.01
9	2308403.493	598623.209	42.87
10	2308374.296	598654.603	64.02
11	2308328.209	598610.172	10.76
12	2308335.642	598602.386	1.88
13	2308334.319	598601.053	20.03
14	2308348.361	598586.765	0.30
15	2308348.572	598586.978	17.75
16	2308360.975	598574.274	46.55
17	2308393.923	598607.163	3.94
18	2308397.658	598605.899	17.51
19	2308399.991	598588.546	44.53
20	2308404.617	598544.252	17.07
21	2308406.531	598527.293	40.41
22	2308408.412	598486.922	22.48
23	2308407.478	598464.459	21.55
24	2308408.037	598442.921	12.64
25	2308410.916	598430.616	9.52
26	2308415.712	598422.428	69.93
1	2308481.575	598445.917	

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU 2

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
27	2308352.193	598359.854	25.02
28	2308342.222	598382.804	1.13
29	2308343.187	598383.395	17.20
30	2308335.562	598398.813	3.46
31	2308332.471	598397.251	2.97
32	2308331.051	598399.863	1.36
33	2308329.813	598399.302	1.03
34	2308328.824	598399.576	1.48
35	2308328.121	598400.878	16.18
36	2308313.450	598394.048	23.58
37	2308323.959	598372.934	1.34
38	2308325.184	598373.480	2.29
39	2308327.467	598373.370	13.13
40	2308333.058	598361.492	9.59
41	2308336.471	598352.527	14.66
42	2308350.291	598357.412	1.55
43	2308349.808	598358.888	2.57
1	2308352.193	598359.854	

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC NGÕ 47 LÊ LAI VÀ NGÕ 92 LÊ THÁNH TÔNG, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG
(THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND CỦA UBND QUẬN NGÔ QUYỀN)

BẢN VẼ: ĐCCB-03	GHÉP: 2XA0	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 2026

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CTXD HP
HP CONST. DESIGN & CONSULTANT JSC.
ĐC : 36 LÝ TỰ TRỌNG, HẢI PHÒNG
Website : http://www.hcdc.com.vn

ISO 9001 : 2008

- Vị trí: Khu vực điều chỉnh quy hoạch thuộc địa giới hành chính phường Ngô Quyền
- Phạm vi ranh giới: thuộc lô đất A-15/NO1 và A-15/HT1(ô phố A-15) trong đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 quận Ngô Quyền đến năm 2040;
  - + Phía Bắc, phía Nam giáp khu dân cư;
  - + Phía Tây giáp khu dân cư và đường hiện trạng;
  - + Phía Đông giáp đường Lê Lai.
- Quy mô lập quy hoạch khoảng: 17.879,47m².

VỊ TRÍ KHU VỰC LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

Hoa gió:

Tỷ lệ xích:

0(m) 20 40 80 120 200

Ghi chú:

- Ranh giới khu vực điều chỉnh quy hoạch
  Quy mô diện tích khoảng: 17.879,47m2
- Ranh giới ô phố quy hoạch
  Phạm vi bãi đỗ xe ngầm công cộng
  tại các khu vực cây xanh sử dụng công cộng
- Tuyến đê quy hoạch theo QHC 323 và QĐ 1516
  hành lang bảo vệ đê 5m tính từ chân đê đoạn đi qua đô thị
- Đường sắt đô thị

HIỆN TRẠNG / QUY HOẠCH: ĐỘT ĐẬU / ĐÀI HẠN

- Nhóm nhà ở
- Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ, công cộng và đô thị
- Y tế
- Văn hóa
- Giáo dục - Trường THPT
- Giáo dục - Trường THCS, tiểu học, mầm non
- Cây xanh sử dụng công cộng đô thị
- Cây xanh chuyên dụng
- Đào tạo, nghiên cứu
- Cơ quan, trụ sở
- Khu dịch vụ
- Di tích, tôn giáo
- An ninh
- Quốc phòng
- Đất bãi đỗ xe
- Khu dân cư hạn chế phát triển (sau năm 2035 sẽ được chuyển đổi chức năng sử dụng đất theo quy hoạch chung)
- Hạ tầng kỹ thuật khác
- Sông, suối, kênh, rạch

Ký hiệu:

- Trường THCS
- Trường tiểu học
- Trường mầm non
- Trường dạy nghề
- Trạm y tế
- Sân chơi, sân luyện tập
- Trung tâm văn hóa cấp quận
- Công trình tôn giáo
- Bãi đỗ xe
- Cấp đơn vị ở
- Cấp đô thị

KÝ HIỆU Ô PHỐ
DIỆN TÍCH
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
TẦNG CAO TỐI THIỂU - TỐI ĐA
TẦNG HẦM TỐI ĐA
DÂN SỐ

KÝ HIỆU Ô PHỐ
KÝ HIỆU LÔ ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Quốc Khải
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 2871/QĐ-UBND NGÀY 16 THÁNG 9 NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hoàng Hưng
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 03/TTr - XDMT NGÀY 16 THÁNG 9 NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
GIÁM ĐỐC
Mạc Như Tiến
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 577/Tr - BQLDA NGÀY 11 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC NGÕ 47 LÊ LAI VÀ NGÕ 92 LÊ THÁNH TÔNG, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:
VỊ TRÍ, PHẠM VI RANH GIỚI VÀ QUY MÔ KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

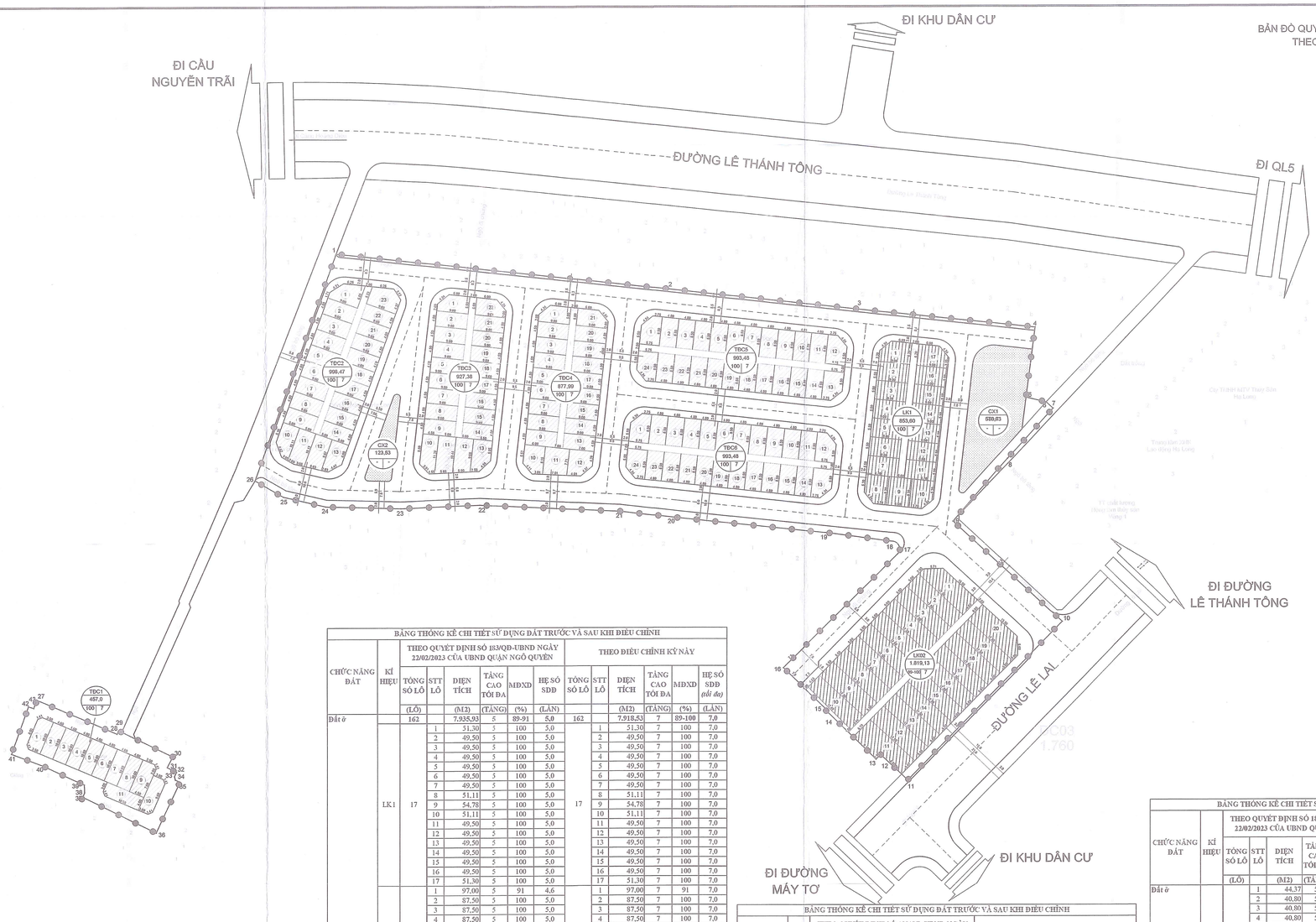
BẢN VẼ: ĐCCB-01	GHÉP: 1XA0	TỶ LỆ: 1/2000	THÁNG: 2026
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN LƯƠNG DŨNG		
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN LƯƠNG DŨNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. HOÀNG LÂN		
GĐ TRUNG TÂM	KS. VŨ HOÀI NAM		
QL.KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG		

P. TỔNG GIÁM ĐỐC
KTS: NGUYỄN HỮU KIỆP
TỔNG GIÁM ĐỐC
KTS. Nguyễn Hữu Kiệp

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CTXD HP
HP CONST. DESIGN & CONSULTANT JSC.
ĐC : 36 LÝ TỰ TRỌNG, HẢI PHÒNG
Website : http://www.hcdc.com.vn

ISO 9001 : 2000

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY



BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

CHỨC NĂNG ĐẤT	KÍ HIỆU	THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND NGÀY 22/02/2023 CỦA UBND QUẬN NGÔ QUYỀN						THEO ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY					
		TỔNG SỐ LÔ	STT LÔ	DIỆN TÍCH	TẦNG CAO TỐI ĐA	MĐXD	HỆ SỐ SDĐ	TỔNG SỐ LÔ	STT LÔ	DIỆN TÍCH	TẦNG CAO TỐI ĐA	MĐXD	HỆ SỐ SDĐ *(tối đa)*
		(LÔ)		(M2)	(TẦNG)	(%)	(LẦN)			(M2)	(TẦNG)	(%)	(LẦN)
Đất ở		162		7.935,93	5	89-91	5,0	162		7.918,53	7	89-100	7,0
	LK1	17	1	51,30	5	100	5,0	17	1	51,30	7	100	7,0
			2	49,50	5	100	5,0		2	49,50	7	100	7,0
			3	49,50	5	100	5,0		3	49,50	7	100	7,0
			4	49,50	5	100	5,0		4	49,50	7	100	7,0
			5	49,50	5	100	5,0		5	49,50	7	100	7,0
			6	49,50	5	100	5,0		6	49,50	7	100	7,0
			7	49,50	5	100	5,0		7	49,50	7	100	7,0
			8	51,11	5	100	5,0		8	51,11	7	100	7,0
			9	54,78	5	100	5,0		9	54,78	7	100	7,0
			10	51,11	5	100	5,0		10	51,11	7	100	7,0
			11	49,50	5	100	5,0		11	49,50	7	100	7,0
			12	49,50	5	100	5,0		12	49,50	7	100	7,0
			13	49,50	5	100	5,0		13	49,50	7	100	7,0
			14	49,50	5	100	5,0		14	49,50	7	100	7,0
			15	49,50	5	100	5,0		15	49,50	7	100	7,0
			16	49,50	5	100	5,0		16	49,50	7	100	7,0
			17	51,30	5	100	5,0		17	51,30	7	100	7,0
	LK2	20	1	97,00	5	91	4,6	20	1	97,00	7	91	7,0
			2	87,50	5	100	5,0		2	87,50	7	100	7,0
			3	87,50	5	100	5,0		3	87,50	7	100	7,0
			4	87,50	5	100	5,0		4	87,50	7	100	7,0
			5	87,50	5	100	5,0		5	87,50	7	100	7,0
			6	87,50	5	100	5,0		6	87,50	7	100	7,0
			7	87,50	5	100	5,0		7	87,50	7	100	7,0
			8	96,20	5	100	5,0		8	96,20	7	90	7,0
			9	96,20	5	100	5,0		9	96,20	7	90	7,0
			10	105,94	5	89	4,5		10	88,54	7	100	7,0
			11	110,44	5	89	4,5		11	110,44	7	89	7,0
			12	96,25	5	91	4,6		12	96,25	7	91	7,0
			13	87,50	5	100	5,0		13	87,50	7	100	7,0
			14	87,50	5	100	5,0		14	87,50	7	100	7,0
			15	87,50	5	100	5,0		15	87,50	7	100	7,0
			16	87,50	5	100	5,0		16	87,50	7	100	7,0
			17	87,50	5	100	5,0		17	87,50	7	100	7,0
			18	87,50	5	100	5,0		18	87,50	7	100	7,0
			19	87,50	5	100	5,0		19	87,50	7	100	7,0
			20	97,00	5	91	4,6		20	97,00	7	91	7,0
	TDC1	11	1	44,00	5	100	5,0	11	1	44,00	7	100	7,0
			2	40,00	5	100	5,0		2	40,00	7	100	7,0
			3	40,00	5	100	5,0		3	40,00	7	100	7,0
			4	40,00	5	100	5,0		4	40,00	7	100	7,0
			5	40,00	5	100	5,0		5	40,00	7	100	7,0
			6	40,00	5	100	5,0		6	40,00	7	100	7,0
			7	40,00	5	100	5,0		7	40,00	7	100	7,0
			8	40,00	5	100	5,0		8	40,00	7	100	7,0
			9	44,50	5	100	5,0		9	44,50	7	100	7,0
			10	43,00	5	100	5,0		10	43,00	7	100	7,0
			11	45,50	5	100	5,0		11	45,50	7	100	7,0
	TDC2	23	1	47,64	5	100	5,0	23	1	47,64	7	100	7,0
			2	43,20	5	100	5,0		2	43,20	7	100	7,0
			3	43,20	5	100	5,0		3	43,20	7	100	7,0
			4	43,20	5	100	5,0		4	43,20	7	100	7,0
			5	43,20	5	100	5,0		5	43,20	7	100	7,0
			6	43,20	5	100	5,0		6	43,20	7	100	7,0
			7	43,20	5	100	5,0		7	43,20	7	100	7,0
			8	43,20	5	100	5,0		8	43,20	7	100	7,0
			9	43,20	5	100	5,0		9	43,20	7	100	7,0
			10	43,75	5	100	5,0		10	43,75	7	100	7,0
			11	51,49	5	100	5,0		11	51,49	7	100	7,0
			12	49,24	5	100	5,0		12	49,24	7	100	7,0
			13	41,94	5	100	5,0		13	41,94	7	100	7,0
			14	40,50	5	100	5,0		14	40,50	7	100	7,0
			15	40,50	5	100	5,0		15	40,50	7	100	7,0
			16	40,50	5	100	5,0		16	40,50	7	100	7,0
			17	40,50	5	100	5,0		17	40,50	7	100	7,0
			18	40,50	5	100	5,0		18	40,50	7	100	7,0
			19	40,50	5	100	5,0		19	40,50	7	100	7,0
			20	40,50	5	100	5,0		20	40,50	7	100	7,0
			21	40,50	5	100	5,0		21	40,50	7	100	7,0
			22	40,50	5	100	5,0		22	40,50	7	100	7,0
			23	52,31	5	100	5,0		23	52,31	7	100	7,0

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

CHỨC NĂNG ĐẤT	KÍ HIỆU	THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND NGÀY 22/02/2023 CỦA UBND QUẬN NGÔ QUYỀN						THEO ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY					
		TỔNG SỐ LÔ	STT LÔ	DIỆN TÍCH	TẦNG CAO TỐI ĐA	MĐXD	HỆ SỐ SDĐ	TỔNG SỐ LÔ	STT LÔ	DIỆN TÍCH	TẦNG CAO TỐI ĐA	MĐXD	HỆ SỐ SDĐ *(tối đa)*
		(LÔ)		(M2)	(TẦNG)	(%)	(LẦN)			(M2)	(TẦNG)	(%)	(LẦN)
Đất ở	TDC3	22	1	40,50	5	100	5,0	22	1	40,50	7	100	7,0
			2	40,50	5	100	5,0		2	40,50	7	100	7,0
			3	40,50	5	100	5,0		3	40,50	7	100	7,0
			4	40,50	5	100	5,0		4	40,50	7	100	7,0
			5	40,50	5	100	5,0		5	40,50	7	100	7,0
			6	40,50	5	100	5,0		6	40,50	7	100	7,0
			7	40,50	5	100	5,0		7	40,50	7	100	7,0
			8	40,50	5	100	5,0		8	40,50	7	100	7,0
			9	40,50	5	100	5,0		9	40,50	7	100	7,0
			10	47,47	5	100	5,0		10	47,47	7	100	7,0
			11	54,09	5	100	5,0		11	54,09	7	100	7,0
			12	50,31	5	100	5,0		12	50,31	7	100	7,0
			13	46,51	5	100	5,0		13	46,51	7	100	7,0
			14	40,50	5	100	5,0		14	40,50	7	100	7,0
			15	40,50	5	100	5,0		15	40,50	7	100	7,0
			16	40,50	5	100	5,0		16	40,50	7	100	7,0
			17	40,50	5	100	5,0		17	40,50	7	100	7,0
			18	40,50	5	100	5,0		18	40,50	7	100	7,0
			19	40,50	5	100	5,0		19	40,50	7	100	7,0
			20	40,50	5	100	5,0		20	40,50	7	100	7,0
			21	40,50	5	100	5,0		21	40,50	7	100	7,0
			22	40,50	5	100	5,0		22	40,50	7	100	7,0
	TDC4	21	1	40,50	5	100	5,0	21	1	40,50	7	100	7,0
			2	40,50	5	100	5,0		2	40,50	7	100	7,0
			3	40,50	5	100	5,0		3	40,50	7	100	7,0
			4	40,50	5	100	5,0		4	40,50	7	100	7,0
			5	40,50	5	100	5,0		5	40,50	7	100	7,0
			6	40,50	5	100	5,0		6	40,50	7	100	7,0
			7	40,50	5	100	5,0		7	40,50	7	100	7,0
			8	40,50	5	100	5,0		8	40,50	7	100	7,0
			9	40,50	5	100	5,0		9	40,50	7	100	7,0
			10	45,52	5	100	5,0		10	45,52	7	100	7,0
			11	55,51	5	100	5,0		11	55,51	7	100	7,0
			12	47,96	5	100	5,0		12	47,96	7	100	7,0
			13	40,50	5	100	5,0		13	40,50	7	100	7,0
			14	40,50	5	100	5,0		14	40,50	7	100	7,0
			15	40,50	5	100	5,0		15	40,50	7	100	7,0
			16	40,50	5	100	5,0		16	40,50	7	100	7,0
			17	40,50	5	100	5,0		17	40,50	7	100	7,0
			18	40,50	5	100	5,0		18	40,50	7	100	7,0
			19	40,50	5	100	5,0		19	40,50	7	100	7,0
			20	40,50	5	100	5,0		20	40,50	7	100	7,0
			21	40,50	5	100	5,0		21	40,50	7	100	7,0

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

CHỨC NĂNG ĐẤT	KÍ HIỆU	THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND NGÀY 22/02/2023 CỦA UBND QUẬN NGÔ QUYỀN						THEO ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY					
		TỔNG SỐ LÔ	STT LÔ	DIỆN TÍCH	TẦNG CAO TỐI ĐA	MĐXD	HỆ SỐ SDĐ	TỔNG SỐ LÔ	STT LÔ	DIỆN TÍCH	TẦNG CAO TỐI ĐA	MĐXD	HỆ SỐ SDĐ *(tối đa)*
		(LÔ)		(M2)	(TẦNG)	(%)	(LẦN)			(M2)	(TẦNG)	(%)	(LẦN)
Đất ở	TDC5	24	1	44,37	5	100	5,0	24	1	44,37	7	100	7,0
			2	40,80	5	100	5,0		2	40,80	7	100	7,0
			3	40,80	5	100	5,0		3	40,80	7	100	7,0
			4	40,80	5	100	5,0		4	40,80	7	100	7,0
			5	40,80	5	100	5,0		5	40,80	7	100	7,0
			6	40,80	5	100	5,0		6	40,80	7	100	7,0
			7	40,80	5	100	5,0		7	40,80	7	100	7,0
			8	40,80	5	100	5,0		8	40,80	7	100	7,0
			9	40,80	5	100	5,0		9	40,80	7	100	7,0
			10	40,80	5	100	5,0		10	40,80	7	100	7,0
			11	40,80	5	100	5,0		11	40,80	7	100	7,0
			12	44,37	5	100	5,0		12	44,37	7	100	7,0
			13	44,37	5	100	5,0		13	44,37	7	100	7,0
			14	40,80	5	100	5,0		14	40,80	7	100	7,0
			15	40,80	5	100	5,0		15	40,80	7	100	7,0
			16	40,80	5	100	5,0		16	40,80	7	100	7,0
			17	40,80	5	100	5,0		17	40,80	7	100	7,0
			18	40,80	5	100	5,0		18	40,80	7	100	7,0
			19	40,80	5	100	5,0		19	40,80	7	100	7,0
			20	40,80	5	100	5,0		20	40,80	7	100	7,0
			21	40,80	5	100	5,0		21	40,80	7	100	7,0
			22	40,80	5	100	5,0		22	40,80	7	100	7,0
			23	40,80	5	100	5,0		23	40,80	7	100	7,0
			24	44,37	5	100	5,0		24	44,37	7	100	7,0
	TDC6	24	1	44,37	5	100	5,0	24	1	44,37	7	100	7,0
			2	40,80	5	100	5,0		2	40,80	7	100	7,0
			3	40,80	5	100	5,0		3	40,80	7	100	7,0
			4	40,80	5	100	5,0		4	40,80	7	100	7,0
			5	40,80	5	100	5,0		5	40,80	7	100	7,0
			6	40,80	5	100	5,0		6	40,80	7	100	7,0
			7	40,80	5	100	5,0		7	40,80	7	100	7,0
			8	40,80	5	100	5,0		8	40,80	7	100	7,0
			9	40,80	5	100	5,0		9	40,80	7	100	7,0
			10	40,80	5	100	5,0		10	40,80	7	100	7,0
			11	40,80	5	100	5,0		11	40,80	7	100	7,0
			12	44,37	5	100	5,0		12	44,37	7	100	7,0
			13	44,37	5	100	5,0		13	44,37	7	100	7,0
			14	40,80	5	100	5,0		14	40,80	7	100	7,0
			15	40,80	5	100	5,0		15	40,80	7	100	7,0
			16	40,80	5	100	5,0		16	40,80	7	100	7,0
			17	40,80	5	100	5,0		17	40,80	7	100	7,0
			18	40,80	5	100	5,0		18	40,80	7	100	7,0
			19	40,80	5	100	5,0		19	40,80	7	100	7,0
			20	40,80	5	100	5,0		20	40,80	7	100	7,0
			21	40,80	5	100	5,0		21	40,80	7	100	7,0
			22	40,80	5	100	5,0		22	40,80	7	100	7,0
			23	40,80	5	100	5,0		23	40,80	7	100	7,0
			24	44,37	5	100	5,0		24	44,37	7	100	7,0
Đất cây xanh										702,16			
	CX1									578,63	-	-	-
	CX2									123,53	-	-	-
Đất giao thông										9.241,38			
Tổng diện tích										17.879,47			

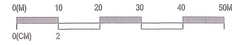
BẢNG SO SÁNH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

STT	Theo quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND quận Ngô Quyền			Điều chỉnh kỳ này			Tăng, giảm (m2)
	Chức năng đất	Diện tích	Tỷ lệ	Chức năng đất	Diện tích	Tỷ lệ	
		(ha)	(%)		(ha)	(%)	
1	Đất ở	7.935,93	44,39	Đất ở	7.918,53	44,29	-17,40
2	Đất cây xanh	702,16	3,93	Đất cây xanh	674,24	3,77	-27,92
3	Đất giao thông	9.241,38	51,68	Đất giao thông	9.286,70	51,94	+45,32
	Tổng	17.879,47	100,00	Tổng	17.879,47	100,00	0,00

Hoa gió:



Tỷ lệ xích:



Ký hiệu:

- Đất nhà ở tái định cư
- Đất nhà ở liền kề
- Đất cây xanh
- Đường giao thông
- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch. Diện tích: 17.879,47m2 (S1= 911,14m2; s2= 16.968,33m2

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Quốc Thái
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 87/TTr-UBND NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hoàng Hoàng
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 457/TTr-XDMT NGÀY 11 THÁNG 9 NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
GIÁM ĐỐC
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 1177/TTr-QLDA NGÀY 11 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC NGÕ 47 LÊ LAI VÀ NGÕ 92 LÊ THÁNH TÔNG, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

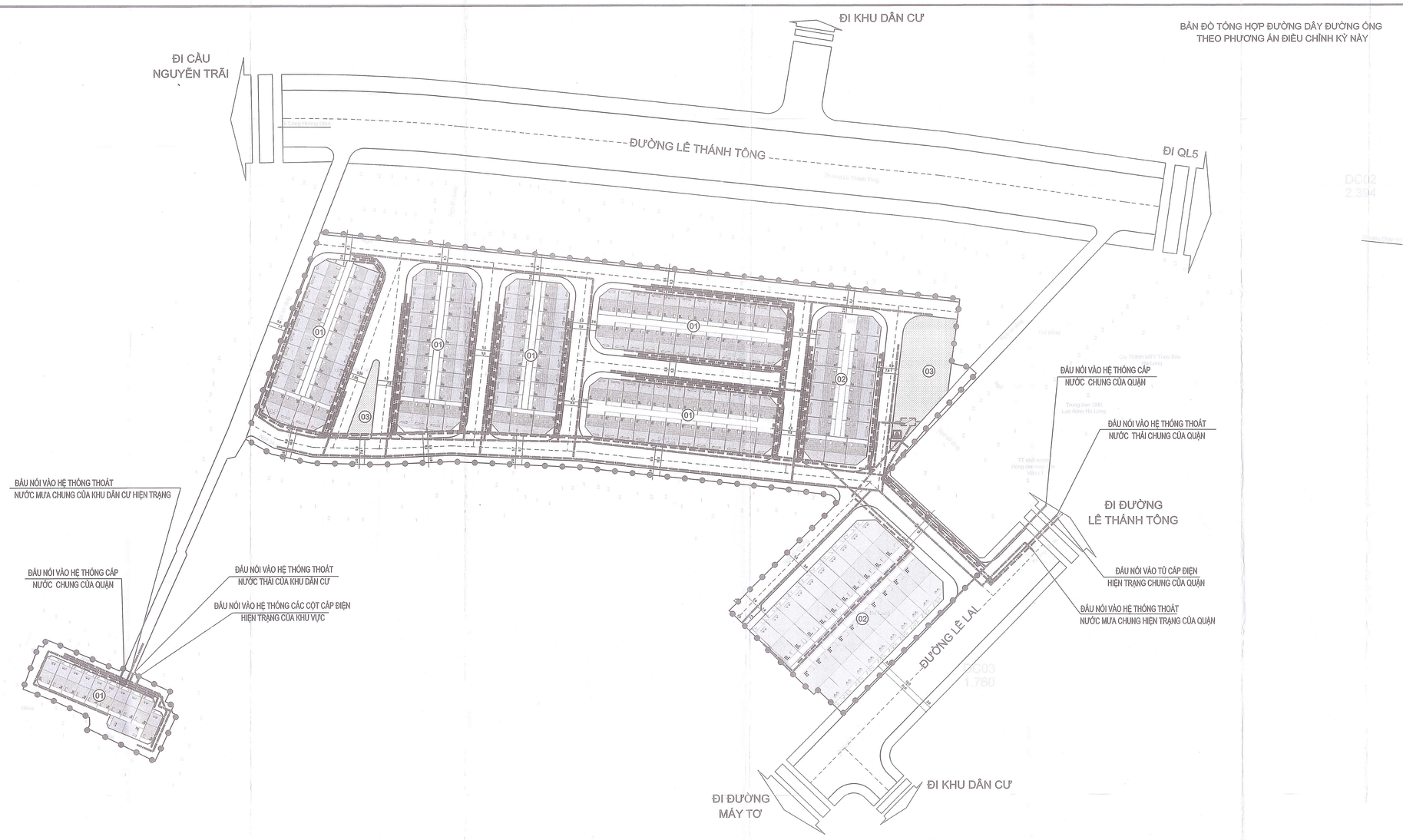
TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
(ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY)

BẢN VẼ: ĐCCB-02	GHIẾP: 2XA0	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 2026
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN LƯƠNG DŨNG		
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN LƯƠNG DŨNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. HOÀNG LÂN		
GĐ TRUNG TÂM	KS. VŨ HOÀI NAM		
QL.KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG		
P. TỔNG GIÁM ĐỐC	KTS: NGUYỄN HỮU HIỆP	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CTXD HP
HP CONST. DESIGN & CONSULTANT JSC.
ĐC : 36 LÝ TỰ TRỌNG, HẢI PHÒNG
Website : http://www.hcdc.com.vn
ISO 9001 : 2008

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC NGÕ 47 LÊ LAI VÀ NGÕ 92 LÊ THÁNH TÔNG, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT. ĐCCB-02

BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY



Hoa gió:

Tỷ lệ xích: 0(M) 10 20 30 40 50M; 0(CM) 2

Ký hiệu:

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch. Diện tích: 17.879,47m2 (S1= 911,14m2; s2= 16.968,33m2
- Đường giao thông
- Công trình
- Sân gạch
- Đất cây xanh TDTT
- Đường cáp ngầm 0,4kV
- Đường ống cấp nước dự kiến
- Đường ống thoát nước thải dự kiến
- Đường ống thoát nước mưa dự kiến
- Trạm biến áp 35(22)/0,4kV dự kiến
- Bể xử lý nước thải (ngầm)
- 01 - Nhà ở tái định cư
- 02 - Nhà ở mới
- 03 - Đất cây xanh TDTT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Chiến Thắng
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 3041/QĐ-UBND NGÀY 11 THÁNG 9 NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hoàng Hưng
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 1577/TTr-XDMT NGÀY 11 THÁNG 9 NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
GIÁM ĐỐC
Lê Văn Khải
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 1577/TTr-QLDA NGÀY 11 THÁNG 9 NĂM 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC NGÕ 47 LÊ LAI VÀ NGÕ 92 LÊ THÁNH TÔNG, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG
(ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY)

BẢN VẼ: DCCB-03	GHÉP: 2XA0	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 2026
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN LƯƠNG DŨNG		
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN LƯƠNG DŨNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. HOÀNG LÂN		
GĐ TRUNG TÂM	KS. VŨ HOÀI NAM		
QL.KỸ THUẬT	KSC. NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG		

P. TỔNG GIÁM ĐỐC
KTS: NGUYỄN HỮU HIỆP
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KTS: Nguyễn Hữu Hiệp

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CTXD HP
HP CONST. DESIGN & CONSULTANT JSC.
ĐC : 36 LÝ TỰ TRỌNG, HẢI PHÒNG
Website : http://www.hcdc.com.vn
ISO 9001 : 2008